

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 29-11-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Khắc Quế**

2. Bà **Lê Thị Thanh Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bắc** - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số 147 N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1985;

HKTT: Tổ 13, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 16, phân trại số 4, trại giam X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L T, huyện BL vào ngày 24/8/2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại thị trấn L T, huyện B L, sau đó chuyển từ huyện B L về thành phố B sinh sống. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thi không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, nuôi dạy con cái mà thường xuyên chơi bời bên ngoài xã hội. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Thi không nghe mà còn đánh chị khiến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Từ năm 2018 thì anh Thi bỏ xuống tỉnh Bình Dương làm ăn, sau đó phạm tội tại đây. Năm 2020 anh Thi bị

Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội cướp tài sản và anh Thi hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Trần Nguyễn Như T, sinh ngày 05/10/2011, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Thi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trần Văn T không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022 và Biên bản ghi lời khai ngày 04/11/2022, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn với nhau từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu rồi xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Năm 2020 anh có phạm tội tại tỉnh Bình Dương và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc. Nay chị Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Trần Nguyễn Như T, sinh ngày 05/10/2011, hiện đang do chị Ánh Ngọc nuôi dưỡng. Nay anh cũng đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Ánh Ngọc tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N không có nợ chung.

Bị đơn anh Trần Văn T có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là được ly hôn với anh Trần Văn T. Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bphát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Tiến Đ và Trần Nguyễn Như T cho chị Ngọc tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; vấn đề cấp dưỡng nuôi

con không yêu cầu nên không xem xét đến; về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về nợ chung: Các bên không có nợ chung nên không xem xét đến; về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn T. Bị đơn anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố B. Vì vậy, đây là tranh chấp về “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Văn T đã được UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2005, ngày 24/8/2005, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngọc và anh Thi là hợp pháp.

Cả chị Ngọc và anh Thi đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Ngọc là do anh Thi không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, nuôi dạy con cái mà thường xuyên chơi bời bên ngoài xã hội. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Thi không nghe mà còn đánh chị khiến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Còn theo anh Thi nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.

Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngọc và anh Thi là có xảy ra trên thực tế và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh Thi hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù giam tại Trại giam Xuân Lộc.

Tại phiên tòa, chị Ngọc vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Thi. Trong khi, tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai anh Thi cũng thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị Ngọc. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N, cho chị

Ngọc được ly hôn với anh Thi là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Ngọc và anh Thi đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Trần Nguyễn Như T, sinh ngày 05/10/2011, hiện đang do chị Ngọc nuôi dưỡng. Chị Ngọc và anh Thi đều thống nhất giao cả hai cháu cho chị Ngọc tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Mặt khác, tại bản tự khai ngày 08/11/2022 cháu Trần Nguyễn Tiến Đ và cháu Trần Nguyễn Như T đều thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục được ở với mẹ.

Vì vậy, cần giao cháu Trần Nguyễn Tiến Đ và cháu Trần Nguyễn Như T cho chị Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Ngọc không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ngọc và anh Thi đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ngọc và anh Thi đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 205, 207, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 18, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N đối với bị đơn anh Trần Văn T.

Cho chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 17/12/2005 và cháu Trần Nguyễn Như T, sinh ngày 05/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Ngọc không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004983 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B(chị Ngọc đã nộp đủ). Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Ánh N được quyền kháng cáo. Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Khắc Phong